TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH P**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **105**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14/12/2023.
V/v : "Tranh chấp hôn nhân và gia đình."

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa Phiên toà: Ông Nguyễn Quang Vũ;

Các hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hảo;

Bà Nguyễn Thị Phẩm.

- Thư ký phiên toà: ông Lê Hồng Đăng - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh P

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P tham phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh P tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 176/2023/TLST- HNGĐ ngày 20/10/2023 về việc "Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2023/QĐXXST-DS ngày 24/11/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đinh Thị H, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Khu Văn Phú, xã M, huyện Y, tỉnh P

Bị đơn: Anh Đỗ Văn G, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Khu Xuân Nhật, xã M, huyện Y, tỉnh P

Hiện nay anh G đang ở nước ngoài.

(Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh G vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Nguyên đơn chị Đinh Thị H trình bày:** Chị và anh Đỗ Văn G có đăng ký kết hôn ngày 11/10/2001 tại UBND xã M, huyện Y, tỉnh P Trước khi kết hôn vợ chồng được tự nguyện tìm hiểu nhau. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc đến khoảng năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng không hiểu nhau, mặt khác năm 2005 anh G đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài nên vợ

chồng rất ít khi liên lạc với nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh P giải quyết được ly hôn anh G.

Về con chung: Chị và anh G có 02 con chung là cháu Đỗ Thị Thu H, sinh ngày 29/7/2002 và cháu Đỗ Phương Nam, sinh ngày 28/8/2004. Hiện nay các cháu đã trưởng thành, cháu H đã xây dựng gia đình có cuộc sống riêng, cháu Nam đã lao động tự túc được nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung và công sức: Vợ chồng không có nên không đề nghị Toà án giải quyết.

Hiện nay chị đi làm ăn xa nên đề nghị Toà án không tiến hành công khai chứng cứ, hoà giải và xin xét xử vắng mặt.

Do anh chị đã không liên lạc với nhau nên chị H không biết địa chỉ của anh G ở nước ngoài nên không cung cấp được địa chỉ của anh G cho Toà án. Chị đề nghị Toà án xác minh địa chỉ ở nước ngoài của anh G thông qua cháu Đỗ Thị Thu H là con chung của anh chị. Cháu Đỗ Thị H hiện nay đang ở Khu 5, xã Phú Hộ, thị xã P, tỉnh P qua con gái anh G.

Tại Bản tự khai ngày 30/10/2023 của cháu Đỗ Thị Thu H trình bày: Tôi là con ông Đỗ Văn G và bà Đinh Thị H. Hiện nay bố tôi đang xuất khẩu lao động tại Malaysia, bố tôi tH xuyên liên lạc về cho tôi nhưng tôi không biết địa chỉ của bố tôi ở nước ngoài nên không thể cung cấp cho Tòa án được. Nay mẹ tôi có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, Tòa án có tống đạt các văn bản tố tụng cho bố tôi thông qua tôi, qua trao đổi điện thoại với bố tôi ở nước ngoài thì bố tôi trình bày bà H có đơn xin ly hôn do tình cảm vợ chồng không còn, không còn liên lạc với nhau nên nhất trí ly hôn. Về con chung vợ chồng ông Đỗ Văn G và bà Đinh Thị H có có 02 con chung là Đỗ Thị Thu H, sinh ngày 29/7/2002 và Đỗ Phương Nam, sinh ngày 28/8/2004. Hiện nay các cháu đã trưởng thành nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, công nợ và công sức: Không có nên không đặt ra giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án Toà án nhân dân tỉnh P có tống đạt thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng khác tôi đã nhận được và có thông báo đầy đủ cho ông G và có nói lại do điều kiện ở xa nên không về để làm việc được, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ của Tòa án là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đại diện VKSND tỉnh P đề nghị Tòa án xử cho chị Đinh Thị H được ly hôn anh Đỗ Văn G. Về con chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: Không có nên không đề nghị tòa án

giải quyết. Về án phí: Chị Đinh Thị H tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Đinh Thị H nộp đơn xin ly hôn anh Đỗ Văn G tại Tòa án nhân dân tỉnh P Trong đơn ly hôn chị trình bày anh G hiện nay đang ở nước ngoài. Theo Công văn số 18238/QLXNC-P5 của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ công an xác định anh Đỗ Văn G sinh ngày 18/5/1977 đã xuất cảnh gần nhất ngày 21/6/2012 hiện nay chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Căn cứ khoản 3 Điều 35, Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh P thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Quan hệ tranh chấp được xác định trong vụ án là "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

[2] Về hôn nhân: Chị Đinh Thị H và anh Đỗ Văn G đăng ký kết hôn ngày 11/10/2001 tại UBND xã M, huyện Y, tỉnh P nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ lời khai của chị H và con gái của chị H, anh G có căn cứ xác định cuộc sống chị H và anh G chung sống không hạnh phúc. Anh G hiện nay đang ở nước ngoài, chị H chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng ở Việt Nam của anh G, không cung cấp được địa chỉ của anh G ở nước ngoài cho Tòa án. Cháu Đỗ Thị Thu H là con gái của anh G xác nhận anh G hiện nay đang ở Malaysia, anh G vẫn liên lạc với gia đình nhưng không nói rõ địa chỉ cụ thể tại Malaysia nên cháu H không cung cấp được địa chỉ của anh G ở nước ngoài cho Tòa án. Căn cứ công văn số 253/TANDTC – PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao đây thuộc trường hợp bị đơn cố tình dấu địa chỉ, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Anh G đang ở nước ngoài nên anh chị không có điều kiện gần gũi để giải quyết mâu thuẫn khắc phục tình trạng hôn nhân. Tình trạng hôn nhân trầm trọng kéo dài không có khả năng đoàn tụ nên HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Chị H và anh G có 02 con chung là cháu Đỗ Thị Thu H, sinh ngày 29/7/2002 và cháu Đỗ Phương Nam, sinh ngày 28/8/2004. Hiện nay các cháu đã trưởng thành, cháu H đã xây dựng gia đình có cuộc sống riêng, cháu Nam đã lao động tự túc được nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung, công nợ, công sức: chị H và anh G không có nên Tòa án không giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Đinh Thị H tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự; Điều 51; 56 và Điều 123 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; Điều 37; khoản 4 Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27; điểm a, khoản 6 Điều 27 Điều Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH, quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho chị Đinh Thị H ly hôn với anh Đỗ Văn G.

2. Về con chung: Chị H và anh G có 02 con chung là cháu Đỗ Thị Thu H, sinh ngày 29/7/2002 và cháu Đỗ Phương Nam, sinh ngày 28/8/2004. Hiện nay các cháu đã trưởng thành lao động tự túc được nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

3. Về án phí: Chị Đinh Thị H phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị H đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0000021 ngày 20/10/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh P

Đương sự ở trong nước vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án. Đương sự ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh P;
- THA tỉnh P;
- Đương sự;
- UBND xã M, h.Y, T.P;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quang Vũ